TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2018
V/v "Ly hôn, giao con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Đoan
2. Ông Hà Quang Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.
- ***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên;

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc "Ly hôn, giao con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983;
- *Bị đơn*: Anh Mai Ngọc H, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2018, bản tự khai, quá trình giải quyết tại tòa án và tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị Phạm Thị T và anh Mai Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2012, chị T và anh H trước khi về chung sống với nhau đã có thời gian dài tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống, không bị ép buộc hay lừa dối nào; anh chị có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước nhưng sau đó do mâu thuẫn nên chị T đã gửi đơn ra tòa án nhân dân huyện H để ly hôn và Tòa án đã giải quyết ly hôn nhưng sau đó anh chị về chung sống với nhau và đăng ký kết hôn lại theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015, cấp ngày 30/7/2015, sau

khi kết hôn thì chị T và anh H cùng nhau sinh sống tại ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn kiếm cớ gây chuyện đánh đập chị T nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Mai Ngọc Trường L, sinh năm 2013 và Mai Ngọc Minh C, sinh năm: 2014, nay ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì quá trình mâu thuẫn vợ chồng con chung vẫn sinh sống với chị và chị T trực tiếp nuoi dưỡng con chung cho đến nay; tại đơn kiện chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về phần cấp dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T đang làm công nhân cho Công ty giày da L, thu nhập ổn định 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì. Vợ chồng cũng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đặt ra để Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện chị T đã cung cấp cho Tòa án bản chính giấy chứng nhận kết hôn để làm căn cứ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập anh H nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh H không hợp tác, không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc mà không lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà; tuy nhiên giao thông báo thụ lý cho đương sự qua đường bưu điện chậm theo quy định Điều 195 và 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt của bị đơn nên từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa; do bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H mâu thuẫn trầm trọng thể hiện anh, chị đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, việc

này cũng được địa phương xác nhận; mặt khác, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm việc và hòa giải để đoàn tụ gia đình thể hiện anh H không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh H được ly hôn.

Về con chung: xét thấy yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con chung; do con chung còn nhỏ, quá trình ly thân con chung đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt tại tòa án để làm việc nên không lấy được ý kiến của anh H xem như anh H từ bỏ quyền lợi của mình; chị T có công việc ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Mai Ngọc Trường L, sinh năm: 2013 và Mai Ngọc Minh C, sinh năm: 2014 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại đơn kiện chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng nhưng sau đó và tại phiên tòa chị T rút yêu cầu này nên đề nghị đình chỉ về việc cấp dưỡng do chị T rút yêu cầu khởi kiện.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Mai Ngọc H, anh H có nơi cư trú tại ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Mai Ngọc H nhưng anh H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên toàn hôm nay anh H cũng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Mai Ngọc H theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước năm 20125 nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy vợ chồng chung sống với nhau một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H; theo biên bản xác minh ngày 24/4/2018 ấp trưởng ấp 1, xã M, huyện H cho biết mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh H đã trầm trọng, nguyên nhân dẫn đến chị T làm đơn ly hôn là anh H là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau có khi xô xát nhau; mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng. Tòa án đã

triệu tập anh H đến tòa án để làm việc, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh H không đến tòa án để làm việc và hòa giải, thể hiện anh H không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng với chị T, không muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Mặt khác, anh H và chị T đã ly thân nhau và không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Mai Ngọc Trường L, sinh năm: 2013 và Mai Ngọc Minh C, sinh năm: 2014; chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu L và cháu C; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay các con đang ở với chị T; chị T cung cấp bảng lương cho tòa án thể hiện chị làm công nhân thu nhập ổn định từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 02 con chung cháu L và cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T rút yêu cầu về phần cấp dưỡng nên cần đình chỉ phần này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phạm Thị T về hôn nhân và con chung:

1. Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Mai Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2015, quyển số 01/2015 cấp ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 02 con chung Mai Ngọc Trường L, sinh năm: 2013 và Mai Ngọc Minh C, sinh năm: 2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng;

3. Về cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng do nguyên đơn rút yêu cầu;

4. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét;

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004547 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND H. H;*
- *Chi cục THADS H. H;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã M;*
- *Lưu: VT, HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học